

Số: 3318 /TB-BVĐK

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu mời chào giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm

Căn cứ Nghị định số: 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng kế hoạch cho gói thầu mua sắm bổ sung một số mặt hàng vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm dùng trong thời gian chờ kết quả đấu thầu năm 2026-2028, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Phân loại báo giá: Gói thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

II. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ tên: Trần Đức Nữ Hồng Oanh,

Chức vụ: Phó trưởng Phòng Vật tư - Thiết bị y tế

Số điện thoại: 0935.111.719

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

III. Cách thức tiếp nhận báo giá

Các đơn vị có thể lựa chọn một trong các hình thức nộp báo giá sau:

- Online (qua website muasamcong.mpi.gov.vn)
- Hoặc trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hoặc qua địa chỉ email: baogia.bvqng@gmail.com (Gửi báo giá bản scan định dạng PDF và file Excel)

Địa điểm phát hành YCBG: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

Thời hạn tiếp nhận BG: Kể từ thời điểm đăng tải thành công yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đến trước 17 giờ 00 phút ngày 07 tháng 11 năm 2026.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 120 ngày, kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

IV. Yêu cầu báo giá

1. Nội dung yêu cầu báo giá hạng mục hàng hoá

(Chi tiết danh mục có Phụ lục đính kèm)

2. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo hợp đồng được ký kết giữa hai bên.

3. Các Công ty, đơn vị cung cấp báo giá phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá.

4. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Kho Vật tư y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

5. Thời gian giao hàng dự kiến: 04 tháng, kể từ khi ký hợp đồng.

6. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng: Không

Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Bằng chuyển khoản, sau khi hai bên nghiệm thu, bên bán cung cấp các chứng từ hợp lý, hợp lệ cho bên mua theo từng đơn hàng cung cấp. Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 120 ngày kể từ ngày bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lý, hợp lệ cho bên mua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Website BV;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Thiều

Tên nhà thầu:
Địa chỉ:
Số điện thoại-email....

BẢO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao và hóa chất, hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao và hóa chất, hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất					Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lưu hành	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
		Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đơn vị tính							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1													
2													
	Tổng cộng: mặt hàng												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các vật tư y tế tiêu hao và hóa chất, hóa chất xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (14)
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Danh mục hàng hóa theo Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;
- (2) Chung loại vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm (Tên thương mại/ tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)) tương ứng với từng danh mục hàng hóa ghi tại cột (1);
- (3) Đặc tính kỹ thuật (thông số kỹ thuật) của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chung loại ghi tại cột (2);
- (4), (5) Tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chung loại ghi tại cột (2);
- (7) Mã HS của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;
- (8), (9) Năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;
- (6), (11) Đơn vị tính, Số lượng, khối lượng theo đúng đơn vị tính, số lượng, khối lượng nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;
- (10) Số lưu hành của hàng hóa
- (11) Đơn giá bằng đồng Việt Nam (VND) tương ứng với từng danh mục hàng hóa (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có));
- (13) Thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND) là toàn bộ đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí (12) của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm đã tính theo đúng số lượng, khối lượng (11) tương ứng;
- Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (14) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

3318 PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo /TB-BVĐK ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)



Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 27/10/2026
09:57:58

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Airway (Ngáng miệng)	Bằng nhựa PVC y tế, các số	Cái	50
2	Ampu bóp bóng người lớn, trẻ em	Chất liệu PVC hoặc silicon	Cái	80
3	Bàn chải rửa tay trước phẫu thuật	Tay cầm nhựa. Hai mặt lông chải. Lông bàn chải nylon. Có thể hấp diệt trùng.	Cái	200
4	Băng dán sườn Urgocrepe hoặc tương đương	10cm x 4,5m	Cuộn	120
5	Băng bột bó xương	0,15m x 2,7m. Vò giấy bạc chống ẩm.	Cuộn	2.800
6	Băng bột bó xương	0,1m x 2,7m. Vò giấy bạc chống ẩm.	Cuộn	2.000
7	Băng cuộn	Kích thước 7cm x ≥ 1,2m	Cuộn	13.000
8	Băng dán vô trùng trước và sau mổ	Kích thước: 15cm x 28cm. Chất liệu: Nylon trong suốt kháng nước.	Miếng	50
9	Băng keo chỉ thị nhiệt	Gồm lớp keo dính, băng nền và vạch chỉ thị hóa học. Thành phần không chứa Chì. Có độ co giãn tốt, chịu nhiệt độ cao. Sau diệt trùng, các vạch chỉ thị sẽ chuyển màu theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Cuộn	30
10	Băng keo vải	2,5cm x 5m hoặc 1 inch x 5m	Cuộn	11.588
11	Băng thun 3 móc	Kích thước: (9cm đến 10cm) x (100cm đến 120cm) (không tính độ giãn)	Cuộn	9.000
12	Bao nilon luồn camera nội soi	Chất liệu nhựa, vô trùng	Cái	750
13	Bộ dây máu Online HDF	Bộ dây máu bao gồm: dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây bù dịch (Safeline). Thiết kế hợp lý, các thành phần có mã màu rõ ràng. Đầu bảo vệ bộ cảm biến tích hợp các cửa sổ kiểm tra, cổng tiêm thuốc với lá chắn bảo vệ ngón tay mở rộng. Chất liệu tương hợp tốt với máu và phản ứng độc tế bào thấp, không có DEHP Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; EC	Dây	1.200
14	Bộ dây truyền dịch	Sản xuất từ nguyên liệu PVC. Theo tiêu chuẩn ISO 13485. Nhỏ giọt với 20 giọt = 1 ml. • Chiều dài ống từ 150cm trở lên. Với cổng kết nối chữ Y. • Kẹp con lăn để kiểm soát dòng chảy. • Phần dưới cùng của buồng, ống và kết nối được làm bằng vật liệu mờ. • Khóa khớp với bộ lọc chất lỏng 15µm. Kết nối với đầu tròn hoặc đầu vặn xoắn. Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn 20µm. Vô trùng EO. Không chứa chất gây sốt (Non toxic, Pyrogen free). Không chứa latex.	Bộ	40.000

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
15	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Kim Touhy 18G, đầu cong, thân kim có chia vạch từng cm, chiều dài từ 80mm đến 100mm; Catheter 20G hoặc 21G, có đặc tính cân quang. Thiết kế ≥ 3 lỗ thoát thuốc ở đầu catheter Thiết bị lọc với lỗ lọc kích thước 0,2 micron. Có bơm tiêm L.O.R. (Loss Of Resistance) 10ml không latex, dùng cho kỹ thuật mất sức cản; Thích hợp khi dùng với nước và không khí. Đầu nối catheter. Bộ lọc 0,2 micromet (μm). Miếng dán cố định bộ lọc. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Bộ	12
16	Bộ nong thận bằng nhựa bán cứng	01 sheath, kích thước 18Fr 06 ống nong thận, các kích thước: 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr. 01 kim chọc dò thận 18G, dài khoảng 20cm. 01 dây dẫn hình chữ J Dùng để nong đường hầm vào thận	Bộ	15
17	Bộ quả lọc dùng cho người lớn M100 PrismaFlex hoặc tương đương	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: -Chất liệu: Sợi lọc AN69: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer. - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml, - Cân nặng tối thiểu của bệnh nhân: 30 kg - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Tương thích với máy Prismaflex	Bộ	75
18	Bọc lấy máu ba 350 ml	Bao gồm 03 túi, thể tích mỗi túi 350ml và có kích thước $160\pm 5\text{mm}$. Túi 1: có 49ml dung dịch chống đông CPD (trong 100ml CPD chứa: Citric Acid (Anhydr.): 0,299g; Sodium Citrate (Dihydr.): 2,63g, Monobasic Sodium Phosphate (Monohydr.): 0,222g, Dextrose (Monohydr.): 2,55g). Túi 2: túi chuyển Túi 3: chứa 80ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 (trong 100ml dung dịch AS-5 chứa: Sodium Chloride: 0,877g; Dextrose (Anhydr.): 0,818g; Adenine: 0,03g; Mannitol: 0,525g). Ống dây lấy máu dài $980 \pm 40 \text{ mm}$, có 12 đoạn ống nhận máu, có kẹp Polycetal ép phun. Ống nhận và chuyển có đường kính ngoài $4,4\pm 0,1\text{mm}$ và đường kính trong $3\pm 0,1\text{mm}$. . Bộ mã vạch ISBT 128 trên nhãn túi. . Sức bền của túi: Sức chịu lực ly tâm (Centrifugation resistance): 5000g trong 10 phút. Sức chịu áp suất (Pressure resistance): $0,7\text{kg}/\text{cm}^2$ trong 10 phút Sức chịu nhiệt độ (Thermal resistance): trong khoảng -80°C tới $37^\circ\text{C} \pm 2^\circ$	túi	600
19	Catheter thận nhân tạo Haemocat signo V1215 hoặc tương đương	Bộ catheter thận nhân tạo 2 nòng, gồm: Catheter 12F, 2 nòng, dài 15cm; kim 18G; dây thép dẫn đường đầu chữ J; dụng cụ nong 12F; dao; bơm tiêm 5ml.	Bộ	56
20	Chỉ khâu sụn chêm	"-Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp vai & gối. -Chỉ siêu bền, có màu để dễ dàng quan sát, chiều dài $\geq 50 \text{ cm}$. -Đầu kim dạng bán nguyệt, kim nhọn.	Tép	25
21	Chỉ Polyglactine 910 2/0	Sợi chỉ được bao phủ bởi Polyglactine 370 và Calcium Stearate, dài 75cm, kim 26mm, 1/2C, kim tròn đầu tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 đến 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 đến 70 ngày.	Sợi	424
22	Chỉ silk 3/0 không kim	Chiều dài chỉ 150cm, không kim	Tép	190
23	Đai xương đòn	các số 5; 6; 7; 8	Cái	50
24	Dây nối truyền dịch	Dài 30cm	Cái	500

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
25	Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ	"Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần - Đường kính vòng trên 120mm, đường kính vòng dưới 130mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh 120mm, sử dụng cho đường rạch kích thước từ 5cm đến 10cm. (mô nội soi) - Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel - Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật"	Cái	40
26	Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ	"Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần - Đường kính vòng trên 180mm, đường kính vòng dưới 190mm, chiều cao 250mm, đường kính lòng banh 180mm, sử dụng cho đường rạch kích thước từ 9cm đến 16cm.(mô mở) - Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel - Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật"	Cái	200
27	Bộ vật tư tiêu hao thu nhận huyết tương (PRP)	Cấu hình bao gồm: 1. Dụng cụ hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu (PRP ACTIVATOR) (MA-1): Dụng cụ hoạt hóa cơ học giả mao mạch đi riêng không nằm trong bộ vật tư tiêu hao thu nhận huyết tương. 2. Bộ vật tư tiêu hao hỗ trợ thu nhận huyết tương (đi kèm) bao gồm: - 01 kim lấy máu cánh bướm vô trùng, gắn với giá đỡ kim - 01 Holder - 02 miếng alcohol pad - 01 băng cá nhân - 04 kim tiêm 10 ml - 01 kim dài 10cm - 03 ống lấy máu chân không có sẵn chất chống đông máu, vô trùng (nắp xanh dương) thu PRP - 01 màng lọc vô trùng - 01 đầu nối vô trùng	Bộ	100
28	Găng tay cao su y tế chưa tiệt trùng có bột 280mm	Chất liệu cao su, có bột, dài 275 đến 280mm, các cỡ (S, M hoặc tương đương các số 7; 7,5), hấp được.	Đôi	50.000
29	Gel siêu âm	Can 5lít hoặc 5kg	Can	72
30	Giấy điện tim	Kích thước: 210mmx295mmx150 tờ	Xấp	45
31	Khẩu trang y tế tiệt trùng	3 lớp, có gọng, hộp 50 cái	Cái	15.000
32	Khuôn đúc mẫu mô	Chất liệu nhựa; nhiều màu, không nắp	Cái	3.000
33	Kim bướm Venofix hoặc tương đương	Kim 23G; 25G	Cây	2.500
34	Kim chọc dò tủy sống	Số 27G	cây	750
35	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng tiêm thuốc các số	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cổng các cỡ: 18G, 20G, 22G, 24G -Catheter bằng chất liệu FEP, có cản quang -Mũi kim sắc bén,bằng thép không gỉ, vát 3 mặt -Cổng bơm thuốc làm bằng chất liệu HDPE+LDP -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,CE.	Cái	36.000
36	Lọ nhựa có nắp lấy nước tiểu	Chất liệu bằng nhựa, có nắp, đường kính ≥ 2 cm	Lọ	5.000
37	Lưới thoát vị bẹn	5cm x 10cm	Miếng	20

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
38	Màng lọc máu Thận nhân tạo	Diện tích $1,8 \text{ m}^2 \pm 10\%$, Hệ số siêu lọc Kuf ≥ 58 (ml/h x mmHg). Thanh thải ở lưu lượng máu 300 ml/ph (Urea ≥ 270 , Creatinine ≥ 245 , Phosphate ≥ 236 , Vitamin B12 ≥ 170 , Inuline: ≥ 120 Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; EC. Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước hoặc tia Gamma	Màng	660
39	Miếng cầm máu tự tiêu cellulose tái tạo oxi hóa	$(10\text{cm} \times 20\text{cm}) \pm 0,5\text{cm}$	Miếng	40
40	Miếng cầm máu tự tiêu Spongostan (xốp gelatin lợn) hoặc tương đương	$7\text{cm} \times 5\text{cm} \times 1\text{cm}$	Miếng	320
41	Miếng vá khuyết sọ	Kích thước $199\text{mm} \times 215\text{mm} \times 0.6\text{mm}$, dùng vít 2.0 mm. Cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, xuất xứ Châu Âu, tiêu chuẩn CE	Miếng	4
42	Mũ giấy phẫu thuật (Nam; nữ)	Mũ giấy phẫu thuật (Nam; nữ)	Cái	10.065
43	Nẹp bản nhỏ (cánh tay) 6 lỗ DCP Small Plate	6 lỗ, dùng vít 3.5 mm. Dài trong khoảng từ 69 mm đến 79 mm, rộng 10 mm, dày 3.0 mm, chất liệu Stainless Steel	Cái	38
44	Nẹp cổ cứng	Các số	Cái	150
45	Nẹp cổ mềm	Chất liệu: Mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí. Vải cotton, khoá Velcro. Các cỡ.	Cái	120
46	Ống nghiệm Chimigly hoặc tương đương	Chất liệu nhựa	Ống	6.000
47	Quả lọc thận low flux	Diện tích màng: $1,3\text{m}^2 \pm 10\%$. Chất liệu màng: Màng tổng hợp (Polysulfone hoặc α -Polysulfone hoặc tương đương). Hệ số siêu lọc Kuf = $(13 \pm 3)(\text{ml/h} \times \text{mmHg})$. Lưu lượng máu: trong khoảng từ 200 đến 500ml/phút. Độ thanh thải KoA: Urea $\geq 185\text{mL/phút}$, Creatinine $\geq 170\text{mL/phút}$, Phosphate $\geq 145\text{mL/phút}$, Vitamin B12 $\geq 85\text{mL/phút}$. Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước hoặc Tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	2.500
48	Rọ lấy sỏi	Cỡ 3Fr, 4 cạnh, dài khoảng 90cm, đầu xoắn	Cái	2
49	Sonde dạ dày	Các số từ 8 đến 18. Chất liệu nhựa PVC y tế, dây dài tối thiểu 1.250mm, trên thân dây có 4 vạch đánh dấu, có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên đầu thành ống. Một đầu ống dây gắn phễu, một đầu được bo tròn. Tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	1.500
50	Sonde J-J Urovision hoặc tương đương	Sonde J-J Urovision hoặc tương đương - Chất liệu polyurethane 2 đầu cong hình chữ J - Chiều dài từ 24cm đến 26cm, bao gồm các cỡ: 6Fr và 7Fr - 1 cái/ 1 túi, tiệt trùng	Cái	140

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
51	Túi lấy máu ba 250ml	- Hệ thống kín gồm các túi và dây nối với nhau. - Kim lấy máu cỡ 16G. Dây lấy máu dài $\geq 1100\text{mm}$, có ≥ 12 đoạn mã số. - Có bộ lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm. Khóa kẹp trên đường ống lấy mẫu và thu thập máu. - Van khóa dạng bẻ trên đường ống thu thập máu - Nhãn túi có barcode theo chuẩn ISBT 128 - Đoạn dây có mã số khắc laser rõ nét, không bị mờ khi vuốt dây - Kích thước trong mỗi túi $105 \times 133\text{mm}$ ($\pm 5\text{mm}$), kích thước ngoài $120 \times 158\text{mm}$ ($\pm 5\text{mm}$). Ống dây có đường kính $3 \times 4.5\text{mm}$ ($\pm 0.1\text{mm}$) - Đóng gói 2 lớp. - Bảo quản được trong nhiệt độ từ 0 đến 30°C; độ ẩm $< 90\%$. - Gồm 3 túi: + Túi 1: dung tích 250ml. Chứa dung dịch chống đông CPD, dùng để thu thập máu toàn phần. Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài $300\text{mm} \pm 10\text{mm}$, có 4 đoạn mã số. + Túi 2: Túi rỗng bảo quản thành phần máu. Dung tích: 250ml. Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài $300\text{mm} \pm 10\text{mm}$, có 4 đoạn mã số. + Túi 3: Túi chứa dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM. Dung tích: 250ml. Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$. Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài $300\text{mm} \pm 10\text{mm}$, có 4 đoạn mã số.	Túi	3.200
52	Vít titan mini tự khoan	- Mũi vít có lỗ. - Cổ vít có ren khóa. - Bước ren dài 1 mm.	Cái	102
53	Bộ dụng cụ lấy huyết khối	Chất liệu: Tetrafluoroethylene và polyethylene - Nòng dây dẫn dài 12cm (loại GR) và 20cm (loại SL), gia cố ở đầu giúp tăng khả năng đẩy vừa giảm nguy cơ ống thông bị xoắn vặn. Ngoài ra, thiết kế stylet ở nòng hút làm tăng khả năng đẩy - Mặt cắt xiên, đường kính lòng hút lớn cho hiệu suất hút cao. - Thẻ tích hút: 5ml - 12ml tùy đường kính catheter - Tráng phủ Hydrophilic 30cm từ đầu tip đảm bảo trơn trượt khi đưa catheter vào mạch máu. - Kích cỡ 6F, 7F. Chiều dài khả dụng Catheter: 140cm. - Tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Cái	5
54	Bộ kết nối 3 cổng	Manifold 3 cổng - Chất liệu Poly Carbonate. - Có luer xoay và đầu xoay đuôi khí - Có các loại 2,3,4 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. - Chịu áp lực 200, 500 PSI (tùy mã sản phẩm). Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	500
55	Bộ khăn chụp mạch vành C	01 x Khăn phủ bàn dụng cụ $165 \times 270\text{cm}$, chống thấm nước, chống tĩnh điện - 01 x Khăn can thiệp mạch $240 \times 390\text{cm}$ 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay, làm bằng vải không dệt Được tiệt trùng bằng khí EO, không chứa độc tố (có kết quả kiểm tra), không gây dị ứng hoặc kích ứng cho da (có kết quả kiểm tra), không chứa cao su tự nhiên, có tính năng chống thấm nước, cồn, chống tĩnh điện và không có bụi vải, mới 100%, - 01 x Bao kính chắn chì $75 \times 100\text{cm}$, màng plastic trong, có dây thun. - 01 x Tấm phủ chắn chì $100 \times 140\text{cm}$, màng plastic trong - 01 x Tấm phủ bàn dụng cụ 100×140, màng plastic trong - 01 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm, màng plastic trong	Bộ	300
56	Bơm áp lực cao	Bộ bơm bóng nong mạch vành vật liệu làm bằng Polycarbonate, có áp lực tối đa 30atm, dung tích 20ml (Kim tiêm - syringe 20cc) - Van kiểm soát máu trào ngược COPILOT: đường kính trong 0,096". Dụng cụ có hai khóa hoạt động độc lập: khóa kẹp và khóa van kiểm soát máu trào ngược, chống rỉ máu. - Dụng cụ đặt dây dẫn (Guidewire Introducer): có đường kính từ 0,009" đến 0,018" - Dụng cụ xoay (Torque Device): có đường kính từ 0,009" đến 0,018" Có kèm khóa chữ Y dạng bấm.	Cái	375

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
57	Bơm tiêm	Bơm tiêm 10ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO 13485, CE. - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực - Có 7 màu sắc khác nhau để phân biệt.	Cái	400
58	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ .	Chất liệu: Polyamide resin. - Tráng phủ Hydrophilic thể hệ mới. Giúp bóng di chuyển dễ dàng qua những tổn thương phức tạp, đặc biệt trong CTO. - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0,0165" hoặc 0,157" - Khẩu kính bóng (crossing profile): 0,63mm hoặc 0,58mm - Đường kính: 1,0mm đến 4,0mm (có loại ,25 và ,75) - Áp lực tối đa: 14 bar; Áp lực bơm bóng: 6 bar - Thời gian xẹp bóng: trong khoảng từ 9 giây đến 12 giây - 2 markers cân quang. - Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm	Cái	25
59	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	Thông số kỹ thuật: * Đường kính trục: 0,63mm/1,9Fr đoạn gần 0,80mm/2,4Fr hoặc 0,84mm/2,5Fr đoạn xa * Độ dài trục: 145 cm * Số điểm định vị bóng: 1 điểm hoặc 2 điểm * Áp lực tham chiếu: 6atm/608kPa * Áp lực tối đa: 14atm/1419kPa * Vật liệu đầu vào: Elastomer * Bóng được làm bằng Polyamide * Lớp phủ: - Đoạn xa phủ lớp ái nước hydrophilic M II - Đoạn gần phủ PTFE * Bóng có đường kính từ 2,25mm đến 3,0mm có cấu trúc 3 nếp gấp. Bóng có đường kính từ 1,25mm đến 2,0mm có cấu trúc 2 nếp gấp. * Kích thước bóng: - Đường kính bóng: 1,25mm; 1,5mm; 2,0mm; 2,25mm; 2,5mm; 2,75mm; 3,0mm - Chiều dài bóng: 10mm; 15mm; 20mm * Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, EC	Cái	15
60	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	Chất liệu polyamide co polymer, đường kính đầu tip 0,016", chiều dài catheter 143cm, thời gian lên/xuống bóng 5s, đường kính đầu xa 2,6F, bóng giãn nở 2% ở áp suất 16 atm và 5% với áp suất 20atm. Tiết diện qua tổn thương 0,7mm, đường kính từ 1,0mm đến 4,0mm, chiều dài từ 7mm đến 45mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
61	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	1. Nguyên liệu: - Pebax, đa lớp, phủ lớp ái nước Hydrophilic - Chung loại: Bóng nong áp lực cao (Non-Compliant). 2. Kích thước: - Độ dài taper : khoảng 3 mm. - Đầu vào (Tip) : được mài nhẵn. - Norminal (Áp lực thường): 12 atm. - RBP (Áp lực vỡ bóng): 18 atm. - Đường kính bóng từ 1,5mm đến 5.0mm. Có cả đường kính 1/4 như: 2.25, 2.75, 3.25, 3.75mm. - Chiều dài: 6, 8, 12, 15, 20, 25mm. - Chiều dài làm việc: 143cm 3. Đặc điểm thiết kế: - Mũi tròn, trơn láng để thao tác qua sang thương vôi hóa và khung stent. - Điểm đánh dấu (Markers): thép Tungsten.	Cái	40

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
62	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi bằng chất liệu Semi Crystalline Co-Polymer, có 2 hoặc 3 nếp gấp, điểm đánh dấu bằng Platinum-Iridium, lớp phủ Hydrophobic và Hydrophilic Đường kính: 1.25; 1.5; 2.0; 2.5; 3.0; 3.5; 4.0 mm Chiều dài: 6, 10, 15, 20, 25, 30 mm	Cái	40
63	Bóng nong mạch vành lưỡng tính	* Chịu áp lực cực đại tới 20atm, hoạt động như bóng bán đàn hồi ở áp lực nhỏ hơn 15atm, như là bóng cứng ở áp lực lớn hơn 15atm. - Vật liệu Polyamide. - Đường kính bóng 1.5mm - 3.0mm (Chiều dài đầu tít 4mm), 3.5mm - 4.5mm (Chiều dài đầu tít 2mm). Chiều dài bóng 10mm, 15mm, 20mm. - 2 vạch đánh dấu chiều dài 90cm và 100cm. Khẩu kính đầu vào (Entry Profile) 0.017". Tương thích dây dẫn đường tối đa 0.014". Chiều dài hữu dụng 138cm. I.D catheter dẫn nhỏ nhất 5F (0.056"). Áp lực danh định 11atm. Áp lực vỡ bóng 18atm-21atm.	Cái	40
64	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus. Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm, chiều dài từ 10mm đến 40mm. Chất liệu: Polyamide. Tiêu chuẩn kỹ thuật: hàm lượng thuốc 1.27µg/mm ² được phủ bằng công nghệ Nano.	Cái	20
65	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Chất liệu: Nylon Blend. Tráng phủ Hydrophilic - Đường kính: 2.0mm đến 4.5mm - Độ dài bóng: 10mm đến 30mm - 2 markers cân quang trên thân bóng. - Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485	Cái	20
66	Dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	Dây dẫn chẩn đoán - Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán. Phủ PTFE (pre-coating) - Lớp Heparin giúp giảm ngưng tập huyết khối (tùy mã sản phẩm) - Đầu dây dạng chữ J: 1,5; 3; 6; 15 mm. - Đủ các kích cỡ 0.038", 0.035", 0.025", 0.021", 0.018" dài 80cm, 150cm, 180cm và 260cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	400
67	Dây dẫn đường (guide wire) cho ống thông	Dây dẫn chẩn đoán mạch máu, đường kính 0,035", dài 120cm đến 200cm, chất liệu lõi dây làm bằng Nitinol, tăng tính cân quang	Cái	40
68	Găng tay y tế phẫu thuật tiệt trùng MediGrip hoặc tương đương	Các số 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5. Dài tối thiểu 280mm. Không khử trùng bằng clo. Bề mặt trong phủ polyacrylate (1 dạng polymer). Công nghệ rửa găng P.E.A.R.L loại trừ các protein dư thừa, mức protein < 30µg/g.	Đôi	400
69	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	Giá đỡ mạch vành có phủ thuốc Biolimus A9 có phủ lớp polymer tự tiêu sinh học. Đường kính từ 2,25mm đến 4,0mm, chiều dài từ 9mm đến 36mm. Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr). Tiêu chuẩn kỹ thuật: Bề dày thanh giá đỡ ≤ 88µm (thiết kế 9 vành), ≤ 84µm (thiết kế 6 vành). Độ rút ngắn: ≤ 2,29%. Độ co lại đàn hồi: ≤ 3,87%. Đoạn nối S và đoạn nối thẳng. Đường kính mắt cáo ≥ 1,58mm. Tương thích dây dẫn 0,014" và ống thông 5F. Tính chịu lực xuyên tâm > 0,67bar hay 500mmHg.	Cái	15
70	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	_ Stent lõi Co-Cr(L605), thành Stent mỏng 60µm, thúc đẩy hình thành nội mô, giảm huyết khối. Phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1,4µg/mm ² . Polymer 3 thành phần: PLLA, PLCL, PVP tự tiêu. Tỷ lệ co lại <4% & rút ngắn 0% (3,0x 16/20mm). Hai marker Pt/Ir trên bóng. Sóng stent 4 crown - 6 crown - 8 crown tùy đường kính đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. _ Đường kính: 2,0mm đến 4,5 mm, dài: 8mm đến 48mm. NP: 10 atm, RBP: 16 atm	Cái	25

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
71	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	Giá đỡ nong mạch vành chất liệu Cobalt Chromium, L-605, tẩm thuốc Sirolimus với liều lượng 1.4 µg/mm ² Độ dày khung giá đỡ: 60 µm Đường kính: 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0 mm Chiều dài: 9, 13, 15, 18, 22, 26, 30, 35, 40 mm	Cái	32
72	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	Thông số kỹ thuật: * Kích thước của dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ động mạch - Đường kính: 0,014"/0,36mm - Chiều dài dây dẫn: 180 cm - Chiều dài phần đầu cân bằng: 3 cm * Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: hợp kim bạch kim (Platinum) - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ (stainless) * Khớp nối sử dụng công nghệ nối trực tiếp. * Phân biệt các loại dây dẫn bằng số điểm đánh dấu ở đầu gần: - Floppy: không đánh dấu. - Extra Floppy: 1 dấu. - Hypercoat: 2 dấu - Intermediate: 3 dấu * Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, EC	Cái	200
73	Vi ống thông micro-catheter Fine cross các cỡ hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật: * Cấu tạo: - Đoạn đầu mềm 0.7 mm không gây tổn thương mạch vành, ôm sát dây dẫn đường can thiệp mạch vành - Sau đoạn đầu mềm là đoạn có lớp cuộn bằng vàng 0.7mm để tăng tính cân bằng - Đoạn tiếp theo là lớp bên SUS. * Kích thước: - Đường kính ngoài đoạn xa: 1.8Fr (0.60mm) - Đường kính ngoài đoạn gần: 2.6Fr (0.87mm) - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm * Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, EC	Cái	4
74	ALBUMIN (MICROALBUMINURIA) STANDARD	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Albumin, Microalbumin. Hộp: 1x1ml.	Hộp	2
Tổng cộng: 74 mặt hàng				